

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/UBND-KT
V/v tập trung triển khai quyết liệt,
đồng bộ giải pháp phòng, chống
bệnh Dịch tả lợn Châu Phi

An Phú, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Giám Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông;
- Trưởng các thôn; Cán bộ thú y xã.

Thực hiện Công văn số 4449/SNNMT-CCTSCNTY ngày 27/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ giải pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

Để tăng cường công tác kiểm soát, khống chế Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã; thực hiện Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2020 - 2025; Công điện số 04/CĐ-CT ngày 22/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn thành phố; UBND xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, trưởng các thôn, cán bộ thú y xã tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện một số nội dung sau:

1. Trưởng các thôn, Cán bộ thú y xã

- Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh tới tận các hộ chăn nuôi lợn tại địa phương, đặc biệt vùng ô dịch cũ, vùng nguy cơ cao; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp lợn ốm, chết nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi theo quy định, không để dịch lây lan; xử lý nghiêm các trường hợp giấu dịch, buôn bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ lợn bệnh, nghi mắc bệnh, vứt xác lợn chết ra ngoài môi trường làm lây lan dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi tăng cường áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, các biện pháp chủ động phòng, chống dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn Châu Phi cho đàn lợn nuôi thịt và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác cho đàn lợn; trường hợp phát hiện lợn ốm, chết nghi mắc Dịch tả lợn Châu Phi báo ngay cho chính quyền địa phương, cán bộ thú y để có các biện pháp xử lý kịp thời, không giấu dịch, không vận chuyển, buôn bán lợn và các sản phẩm lợn mắc bệnh, không vứt xác lợn chết ra ngoài môi trường...

- Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc người chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gửi kèm).

- Giao Trưởng thôn chủ trì phối hợp với cán bộ thú y thực hiện tiếp nhận kê khai hoạt động chăn nuôi, thống kê quản lý đàn vật nuôi đến tận các cơ sở, hộ chăn nuôi, làm cơ sở để thực hiện hỗ trợ thiệt hại cho các hộ chăn nuôi khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh động vật gửi về UBND xã (qua Phòng Kinh tế).

- Tổng hợp các tổ chức, cá nhân hoạt động chăn nuôi (theo biểu mẫu đính kèm) đồng thời gửi bản kê khai của các tổ chức, cá nhân gửi về UBND xã (qua phòng Kinh tế) để tổng hợp báo cáo UBND xã, cụ thể:

+ Thời gian gửi báo cáo kê khai 7 tháng trước ngày **10/8/2025**.

+ Thời gian gửi báo cáo kê khai 6 tháng cuối năm trước ngày 10/01 của năm sau.

+ Thời gian gửi báo cáo kê khai đột xuất chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân chăn nuôi gửi bản kê khai.

- Rà soát, kiểm tra, hướng dẫn cơ sở chăn nuôi hoàn thiện, đáp ứng điều kiện chăn nuôi theo Điều 54, Điều 55, Điều 56 của Luật Chăn nuôi năm 2018; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động giết mổ, vận chuyển lợn trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm theo đúng quy định các trường hợp vận chuyển, giết mổ lợn bệnh, nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, làm lây lan dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi

2.1. Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi về loại, số lượng vật nuôi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gửi kèm)

2.2. Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gửi kèm).

+ Kê khai định kỳ 02 lần/năm. Kỳ kê khai 6 tháng đầu năm, gửi kê khai từ ngày 25 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6. **Riêng năm 2025 các hộ thực hiện kê khai định kỳ 7 tháng gửi bản kê khai hoạt động chăn nuôi về đồng chí Trưởng các thôn trước ngày 03/8/2025.**

+ Kỳ kê khai 6 tháng cuối năm, gửi kê khai từ ngày 25 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12 của năm kê khai các hộ kê khai nộp về trưởng các thôn.

+ Kê khai đột xuất trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhập về nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật Chăn nuôi năm 2018.

b) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;

c) Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;

đ) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;

e) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

f) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

g) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét.

h) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 mét.

i) Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

j) Khoảng cách giữa 2 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 m.

2.4. Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người;

b) Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi;

c) Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y tiếp tục giám sát sự lưu hành vi rút Dịch tả lợn Châu Phi tại các chợ buôn bán thực phẩm trên địa bàn; tổ chức truy xuất nguồn gốc và xử lý các trường hợp mẫu giám sát có kết quả dương tính với vi rút Dịch tả lợn Châu Phi theo đúng quy định phòng chống dịch hiện hành.

- Bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai công tác phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động giết mổ, vận chuyển lợn trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm theo đúng quy định các trường hợp vận chuyển, giết mổ lợn bệnh, nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, làm lây lan dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

- Tổng hợp các tổ chức, cá nhân hoạt động chăn nuôi.

4. Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông

Tuyên truyền trên đài phát thanh của xã, cổng thông tin điện tử của xã để các tổ chức, cá nhân hoạt động chăn nuôi trên địa bàn nắm được thực hiện theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Trưởng các thôn và cán bộ thú y nghiêm túc, triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND xã;
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đức Khanh



PHỤ LỤC II

LOẠI VẬT NUÔI VÀ SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI TỐI THIỂU PHẢI KÊ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu, nghé	Con	1
2	Bò, bê	Con	1
3	Ngựa	Con	1
4	Dê	Con	5
5	Cừu	Con	5
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	5
8	Lợn nái	Con	1
9	Lợn đực giống	Con	1
II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	1
6	Chim cú	Con	100
7	Bồ câu	Con	30
III	Động vật khác được phép chăn nuôi		
1	Hươu sao	Con	1
2	Chim yến	Nhà	1
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	1
5	Mèo	Con	1
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	5
9	Bò cạp	m ²	1
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu dầu lá sắn)	Ổ	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	5

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
12	Ruồi lính đen	m ²	5

PHỤ LỤC III

MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi:

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:

Số điện thoại (nếu có):

Thời điểm kê khai:

Kê khai theo (định kỳ hoặc nhập nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý):

Số TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
1									
2									
...									

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, cập nhật hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai, cập nhật trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax... về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trên hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi.

- ⁽¹⁾ Đối với chim yến, dế, bọ cạp, tằm, giun quế, ruồi linh đến số lượng vật nuôi xuất trong kỳ: (để trống).